

Số: 12 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 thí điểm về một số cơ chế, chính sách
đặc thù phát triển nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật
Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật
Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về trường hợp có
nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính
sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của
mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã
hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số
201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm về một số
cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành nhà ở xã hội
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các đối tượng mua, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở có nhà ở thuộc sở hữu của mình mà có khoảng cách đến địa điểm làm việc được xác định theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

1. Đối tượng mua, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định pháp luật về nhà ở mà đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình được xác định là cách xa địa điểm làm việc khi nhà ở thuộc sở hữu của mình cách địa điểm làm việc từ 25 km trở lên, đồng thời khoảng cách từ địa điểm dự án nhà ở xã hội đến nơi làm việc không vượt quá 10 km. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở năm 2023 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an mà đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc thẩm quyền của Bộ Công an thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở năm 2023 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an mà đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình cách địa điểm làm việc từ 10 km trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc thẩm quyền của Bộ Công an, đồng thời khoảng cách từ nơi làm việc đến các dự án này không vượt quá 10 km.

3. Việc xác định khoảng cách theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính theo lộ trình đường bộ thuận lợi và ngắn nhất giữa các địa điểm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi các nội dung liên quan tại Quyết định này.

3. Chủ đầu tư dự án, công trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh kiểm tra quy định tại Điều 3 Quyết định này trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký để lập Danh sách đối tượng được mua nhà ở xã hội theo quy định.

4. Người mua, thuê mua nhà ở xã hội chịu trách nhiệm tự xác định đảm bảo thỏa mãn Điều 3 trước khi đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội; trường hợp sau khi mua, thuê mua nhà ở xã hội mà bị phát hiện khai báo sai thông tin để được hưởng chính sách sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2030.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ge*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP;
- Trung tâm thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng